

NHÀ SÁCH WEUPBOOK



**TÀI LIỆU TẶNG KÈM CAO THỦ ĐỀ
TOÁN – VĂN – ANH LUYỆN THI VÀO 10
ĐỀ MẪU NHƯ THI THẬT!**

MÔN: TIẾNG ANH

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 MÔN TIẾNG ANH – PHÚ THỌ (ĐỀ 2)

Thời gian: 60 phút, không kể thời gian giao đề

I. Chọn một phương án A, B, C, hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (1,0 điểm)

- | | | | |
|-----------------------|------------------|--------------------|---------------------|
| 1. A. <u>invented</u> | B. <u>worked</u> | C. <u>provided</u> | D. <u>collected</u> |
| 2. A. <u>peace</u> | B. <u>bean</u> | C. <u>meat</u> | D. <u>threat</u> |
| 3. A. <u>candy</u> | B. <u>game</u> | C. <u>sale</u> | D. <u>make</u> |
| 4. A. <u>sticker</u> | B. <u>nice</u> | C. <u>like</u> | D. <u>bike</u> |

II. Chọn một phương án A, B, C, hoặc D ứng với từ/ cụm từ thích hợp để hoàn thành câu. (3,0 điểm)

5. Our class decided to hold a small party, _____?
 A. do we B. didn't we C. did we D. don't we
6. If you _____ to bed earlier, you wouldn't feel so tired now.
 A. go B. went C. had gone D. have gone
7. My friend promised _____ me with my math homework after school.
 A. help B. helping C. to help D. helped
8. I've never seen such a(n) _____ movie before; it's absolutely thrilling!
 A. bored B. exhausting C. embarrassing D. amazing
9. Minh rarely attends extra classes, _____ he?
 A. does B. doesn't C. did D. didn't
10. Anna forgot to lock the door, _____ caused a lot of trouble later.
 A. that B. who C. which D. what
11. My father told me _____ the television off if I wasn't watching it.
 A. turning B. to turn C. turn D. turned
12. I'm going to visit my grandparents in the countryside _____ next weekend.
 A. at B. in C. on D. Ø
13. The students were so noisy _____ the teacher had to stop the lesson.
 A. when B. because C. that D. if
14. Please wait a moment, _____? I need to check your order details.
 A. do you B. will you C. won't you D. haven't you

15. **What does the sign say? Choose the best option.**

- A. You are safe to enter this area any time.
- B. Do not enter this area during renovation.
- C. Safety equipment is provided here.
- D. You must repair this area before entering.



16. **What does the sign say? Choose the best option.**

- A. You should clean the floor before walking.
- B. It's dangerous to walk here because the floor is slippery.
- C. You must run quickly across this wet floor.
- D. The floor is safe, proceed as normal.



III. Viết dạng đúng của động từ trong ngoặc để hoàn thành câu. (1,0 điểm)

17. My cousin (graduate) _____ from university two years ago and now he works for a bank.
 18. They (not / finish) _____ planting the trees yet, so they're still working in the garden.
 19. The children were excited because they (never / see) _____ a lion before.
 20. Let's avoid (use) _____ too many plastic bags to protect the environment.

IV. Chọn một phương án A, B, C, hoặc D để điền vào chỗ trống trong văn bản sau. (1,0 điểm)

A NEW FORM OF TRANSPORTATION

Bicycle-sharing programs have grown popular in recent years. These systems allow people to rent bikes from stations scattered around the city and return them at another station closer to their (21) _____. Besides being a cost-effective way to travel, these programs help reduce traffic congestion. Many commuters also find them (22) _____ beneficial for short distances and avoiding parking hassles. However, maintaining shared bikes can be challenging. Some bikes get damaged or (23) _____ if not treated responsibly by riders. Despite these drawbacks, bicycle-sharing services encourage a more eco-friendly lifestyle, (24) _____ fewer carbon emissions and healthier citizens.

21. A. plan B. destination C. transportation D. option
 22. A. surprisingly B. rarely C. carefully D. politely
 23. A. replaced B. recycled C. stolen D. borrowed
 24. A. resulting in B. taking after C. going over D. dealing with

V. Đọc đoạn văn sau và chọn câu trả lời đúng cho các câu hỏi. (1,0 điểm)

THE RISE OF ONLINE LEARNING

In recent years, online learning has become increasingly popular. Many universities and schools offer virtual courses to students who may not be able to attend traditional classes in person. Thanks to modern technology, learners can access course materials, participate in discussions, and submit assignments from anywhere with an internet connection. One advantage of online learning is flexibility, students can often study at their own pace. However, self-discipline is crucial, as it's easy to fall behind if you don't manage your time effectively. Some critics argue that online education lacks face-to-face interaction, which can affect communication skills. Others believe it can be just as interactive through video conferences and group projects. Overall, the future of education likely involves a balance between online and traditional methods.

25. According to the passage, one benefit of online learning is _____.
 A. strict schedules for all students C. face-to-face classroom interaction
 B. fewer assignments to submit D. the flexibility to study at one's own pace
26. How can learners participate in courses if they use online learning?
 A. By attending classes in person only
 B. By traveling to many different campuses
 C. By using the internet to access materials and discussions
 D. By completing no assignments
27. Why do some critics dislike online education?
 A. Because they believe it's more expensive
 B. Because it might reduce communication skills without in-person contact
 C. Because it requires too many group projects
 D. Because it's too fast-paced for everyone

28. Which of the following best describes the future of education, based on the passage?
- A. Only online classes will exist
 - B. Traditional classes will disappear entirely
 - C. Education will likely blend online and offline methods
 - D. Students will no longer need any teachers

VI. *Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi. (1,0 điểm)*

A SUMMER JOB

Lucy wanted to find a summer job to gain work experience and earn some extra money. She searched online for positions at local shops and restaurants. Finally, she got hired at a small bakery. On her first day, she learned how to arrange pastries and greet customers. Although it was tiring to stand for hours, Lucy enjoyed the friendly atmosphere. She also realized the importance of being punctual and neat. By the end of summer, Lucy felt more confident dealing with people and handling responsibilities. She believed that the lessons from her summer job would benefit her in future endeavors.

29. What kind of summer job did Lucy get? →
30. What did she learn on her first day? →
31. Why did she feel tired sometimes? →
32. How did the job help Lucy become more confident? →

VII. *Chọn một phương án A, B, C, hoặc D ứng với câu viết đúng nhất từ những từ/cụm từ cho sẵn. (0,5 điểm)*

33. **because / heavy rain / we / cancel / picnic / this morning**

- A. We cancelled the picnic this morning because of heavy rain.
- B. Because heavy rain we cancelled the picnic this morning.
- C. The picnic this morning, we cancelled because it was heavy rain.
- D. The morning was cancelled because we have a picnic in heavy rain.

34. **it / be / difficult / me / pass / exam / last month**

- A. It was difficult for me pass the exam last month.
- B. It has been difficult for me passed the exam last month.
- C. It was difficult for me to pass the exam last month.
- D. I was passing the exam with difficulty last month.

VIII. *Hoàn thành câu thứ hai sao cho nghĩa không thay đổi so với câu đã cho. (1,5 điểm)*

35. "Shall we watch a documentary about wildlife?" Julia asked.
→ *Julia suggested*
36. My mother last visited Hanoi three months ago.
→ *My mother hasn't*
37. It rained heavily, but they still went camping.
→ *Although*
38. I can't go to the party because I have to finish my project tonight.
→ *If I*
39. My uncle used to drive to work, but now he takes the bus.
→ *My uncle no longer*
40. "Why don't you review your notes carefully before the test?" said the teacher.
→ *The teacher advised*

ĐÁP ÁN ĐỀ PHÚ THỌ (ĐỀ 2)

I.

1.

- “invented” (đuôi -ed phát âm /ɪd/),
- “worked” (đuôi -ed phát âm /t/),
- “provided” (đuôi -ed phát âm /ɪd/),
- “collected” (đuôi -ed phát âm /ɪd/).

Trong đó, worked là từ duy nhất có đuôi -ed phát âm /t/.

Đáp án: B. worked

2.

- “peace” “bean” và “meat” đều có âm /i:/,
- “threat” có âm /e/ (hoàn toàn khác so với âm dài /i:/ hoặc /ɪə/).

Vì vậy, threat (/θret/) là từ có nguyên âm khác hẳn.

Đáp án: D. threat

3.

- “game”, “sale”, “make” có âm /eɪ/,
- “candy” có âm /æ/ ở âm tiết đầu (“can-”).

Vậy candy là từ có cách phát âm khác 3 từ còn lại.

Đáp án: A. candy

4.

- “nice”, “like”, “bike” đều có /aɪ/,
- “sticker” có nguyên âm /ɪ/ ở âm tiết đầu (stɪk).

Do đó, sticker có cách phát âm khác so với 3 từ còn lại.

Đáp án: A. sticker

II.

5. “Our class decided to hold a small party, _____?”

- Hành động “decided” (quá khứ) → câu khẳng định → đuôi phủ định: “didn’t we?”
- **Đáp án: B. didn’t we**

6. “If you _____ to bed earlier, you wouldn’t feel so tired now.”

- Dạng điều kiện loại 2 (hiện tại giả định, “wouldn’t feel now”), hoặc loại 3. Tuy nhiên, “wouldn’t feel so tired now” → cho thấy 1 giả định hiện tại, ta dùng điều kiện loại 2: “If you went to bed earlier, you wouldn’t feel so tired.”
- **Đáp án: B. went**

7. “My friend promised _____ me with my math homework...”

- “promise + to V” → to help.
- **Đáp án: C. to help**

8. “I’ve never seen such a(n) _____ movie before; it’s absolutely thrilling!”

- Tính từ: “amazing” (thật tuyệt vời / kinh ngạc).

- “bored / exhausting / embarrassing” không hợp.
 - **Đáp án: D. amazing**
9. “Minh rarely attends extra classes, _____ he?” → Câu khẳng định hay phủ định?
- “rarely attends” → dạng phủ định ngầm → đuôi khẳng định: “does he?”
 - **Đáp án: A. Does**
10. “Anna forgot to lock the door, _____ caused a lot of trouble later.”
- Dùng “which” để thay thế cả mệnh đề trước.
 - **Đáp án: C. which**
11. “My father told me _____ the television off if I wasn’t watching it.”
- “told sb to do sth” → to turn.
 - **Đáp án: B. to turn**
12. “... going to visit my grandparents in the countryside _____ next weekend.”
- Thường “next weekend” không dùng giới từ.
 - **Đáp án: D. Ø (không giới từ)**
13. “The students were so noisy _____ the teacher had to stop the lesson.”
- “so... that...”
 - **Đáp án: C. that**
14. “Please wait a moment, _____? I need to check your order.”
- Cách nhờ vả: “will you?”
 - **Đáp án: B. will you**
15. “This area is under renovation. Please keep out for your safety.”
- Nghĩa: “Không vào khu vực này.”
 - **Đáp án: B. Do not enter this area during renovation.**
16. “Wet floor. Walk carefully or find another route.”
- Cảnh báo sàn trơn.
 - **Đáp án: B. It’s dangerous to walk here because the floor is slippery.**

III.

17. My cousin (graduate) _____ from university two years ago...
- Quá khứ đơn: **graduated.**
18. They (not / finish) _____ planting the trees yet...
- Hiện tại hoàn thành (dấu hiệu “yet”): **have not finished.**
19. The children were excited because they (never / see) _____ a lion before.
- Trước 1 mốc quá khứ, chưa từng thấy → Quá khứ hoàn thành: **had never seen.**
20. Let’s avoid (use) _____ too many plastic bags...
- “avoid + V-ing” → **using.**

IV.

21. “...another station closer to their (21) _____.” → “destination” (đích đến).
- **Đáp án: B. destination**
22. “Many commuters find them (22) _____ beneficial...” → “surprisingly beneficial.”
- **Đáp án: A. surprisingly**
23. “Some bikes get damaged or (23) _____ if not treated responsibly...” → “stolen.”
- **Đáp án: C. stolen**

24. "...encourage a more eco-friendly lifestyle, (24) _____ fewer carbon emissions..." →
"resulting in."

- **Đáp án: A. resulting in**

V.

25. benefit of online learning → "the flexibility to study at one's own pace."

- **Đáp án: D**

26. "How can learners participate...?" → "By using the internet to access materials..."

- **Đáp án: C**

27. Why do some critics dislike it? → "lack face-to-face interaction → might reduce communication skills."

- **Đáp án: B**

28. Future of education → "Balance between online and traditional."

- **Đáp án: C**

VI.

29. "What kind of job did Lucy get?" → "She got hired at a small bakery."

30. "What did she learn on her first day?" → "She learned how to arrange pastries and greet customers."

31. "Why did she feel tired sometimes?" → "Because she had to stand for hours."

32. "How did the job help Lucy become more confident?" → "She dealt with people and handled responsibilities."

VII.

33. "because / heavy rain / we / cancel / picnic / this morning"

- **Đáp án: A. We cancelled the picnic this morning because of heavy rain.**

34. "it / be / difficult / me / pass / exam / last month"

- **Đáp án: C. It was difficult for me to pass the exam last month.**

VIII.

35. "Shall we watch a documentary about wildlife?" Julia asked.

→ **Julia suggested watching a documentary about wildlife.**

36. "My mother last visited Hanoi three months ago."

→ **My mother hasn't visited Hanoi for three months.**

37. "It rained heavily, but they still went camping."

→ **Although it rained heavily, they still went camping.**

38. "I can't go to the party because I have to finish my project."

→ **If I didn't have to finish my project tonight, I could go to the party.**

39. "My uncle used to drive to work, but now he takes the bus."

→ **My uncle no longer drives to work (now he takes the bus).**

40. "Why don't you review your notes carefully before the test?" said the teacher.

→ **The teacher advised me to review my notes carefully before the test.**